

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2020.

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Kỳ Tùng – Chủ tịch Hội cựu chiến binh thị trấn Chí Thạnh.
2. Bà Phan Thị Hồng Tuyết – Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân thị trấn Chí Thạnh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, về việc: “ Xin ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2.Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2019 và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B tại phiên tòa:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016 tôi có tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với anh Phạm Ngọc T được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2016 trên cơ sở tự

nguyên. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh T không lo làm ăn, hay đánh đập tôi nhiều lần và xúc phạm đến cha mẹ ruột tôi, chúng tôi sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với anh T

- **Về con chung:** Có 01 con chung tên là Phạm Ngọc Kim A – sinh ngày 09/4/2018, lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, đồng thời yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020.

- **Về tài sản chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Phạm Ngọc T trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Về thời gian tìm hiểu, kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị B trình bày là đúng. Tuy nhiên bản thân tôi đã nhận rõ những lỗi lầm của mình, hứa sẽ từ bỏ để làm ăn lương thiện, hiện nay tôi vẫn còn tình cảm với chị B và muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cho tốt.

- **Về con chung:** Có 01 con chung tên là Phạm Ngọc Kim A – sinh ngày 09/4/2018. Nay tôi thống nhất giao cháu A cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020.

- **Về tài sản chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị B khởi kiện anh Phạm Ngọc T cư trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc: “ Xin ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Phạm Ngọc T tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay chị B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, hay đánh đập chị nhiều lần và xúc phạm đến cha mẹ ruột chị, hiện nay chị không còn tình cảm gì và cương quyết xin ly hôn với anh T; anh T cũng thừa nhận rằng trước đây có mâu thuẫn, đánh đập chị B và xúc phạm đến cha mẹ vợ, tuy nhiên hiện nay vẫn còn tình cảm với chị B, lo chí thú làm ăn và tha thiết xin được đoàn tụ gia đình mong Tòa xem xét. HĐXX nhận định: Quá trình

chung sống chị B và anh T xảy ra mâu thuẫn, có lần anh T đánh chị B và xúc phạm đến cha mẹ vợ. Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành hòa giải và cho thời gian để anh T tự khắc phục những lỗi lầm của mình. Tuy nhiên hiện nay tình cảm không chuyển biến tích cực, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay không ai quan tâm đến ai; anh T xin đoàn tụ nhưng không có ý thức hàn gắn tình cảm, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Ngọc Kim A – sinh ngày 09/4/2018, lâu nay do chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay, chị B yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, đồng thời yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020; anh T cũng thống nhất giao cháu A cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020. HĐXX xét thấy, cháu A còn nhỏ lâu nay do chị B trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm mẹ con gắn bó, do đó để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu, cần giao cháu A cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, tại phiên tòa anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020 nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí HNGĐ- ST; Bị đơn anh T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Phạm Ngọc T

- **Về con chung:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Ngọc Kim A – sinh ngày 09/4/2018, anh Phạm Ngọc T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020, cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 011835 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Bị đơn anh Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình